

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VÀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC TRONG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

✍ TS. HOÀNG THANH XUÂN*

Trên cơ sở kịp thời tổng kết công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn, ngày 05/10/2004 Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 02/2004/NQ-TLĐLĐVN về việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn, nhằm mục tiêu: “Tạo bước chuyển biến mới, tích cực trong công tác nghiên cứu lý luận, hoạt động khoa học của tổ chức Công đoàn, nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về giai cấp công nhân (GCCN), về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong giai đoạn cách mạng mới, góp phần xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn lớn mạnh, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; gắn công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức công đoàn với ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động công đoàn, chăm lo bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, bảo vệ môi trường”. Để thực hiện được mục tiêu trên, Nghị quyết đã đưa ra 5 giải pháp:

Một là, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên công đoàn về sự cần thiết phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học, ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong tổ chức Công đoàn;

Hai là, nâng cao năng lực nghiên cứu của các đơn vị làm công tác nghiên cứu, giảng dạy;

Ba là, đổi mới nội dung, phương pháp nghiên cứu và sử dụng kết quả nghiên cứu, định kỳ sơ kết tổng kết, rút kinh nghiệm;

Bốn là, có chính sách khuyến khích và tăng cường kinh phí cho nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học;

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học.

Nhằm đưa Nghị quyết về công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức công đoàn đi vào thực tế và triển khai, thực hiện có hiệu quả, ngày 25/01/2005, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành hướng dẫn số 131/TLĐ; trong đó đề cập đến 7 nội dung cụ thể: Công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết; Công tác tổ chức bộ máy; Đối với nội dung, phương pháp và phát huy mọi tiềm năng cho hoạt động khoa học; Định hướng nội dung hoạt động khoa học từ nay đến năm 2010; Lập kế hoạch và đăng ký nghiên cứu khoa học; Đánh giá nhiệm vụ và ứng dụng kết quả nghiên cứu; Sơ kết, tổng kết và chế độ báo cáo.

Chính vì vậy, công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học của tổ chức Công đoàn đã được các cấp trong hệ thống Công đoàn Việt Nam quan tâm chỉ đạo và đầu tư nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu về công nhân và Công đoàn, về chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của công nhân, viên chức và lao động (CNVCLĐ), nhất là chính sách về việc làm, về tiền lương, chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người lao động khi thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; cơ chế đảm bảo quyền dân chủ của người lao động ở cơ sở; nghiên cứu và triển khai áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động,... đã góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn, tham gia xây dựng chính sách pháp luật, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của CNVCLĐ, xây dựng GCCN, tổ chức Công đoàn vững mạnh. Có thể khẳng định, chất lượng công tác nghiên cứu khoa học trong hệ thống Công đoàn đã được nâng lên một bước. Nhiều sản phẩm nghiên cứu đã góp phần quan trọng, làm cơ sở cho việc đề ra mục

* Trường Đại học Công đoàn

tiêu, phương hướng, giải pháp hoạt động công đoàn các cấp. Một số đề tài nghiên cứu có tính dự báo, tính khoa học và giá trị thực tiễn cao, giúp cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tham gia có hiệu quả vào xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Đặc biệt là tham gia vào bổ sung, sửa đổi Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn năm 2012.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, công tác nghiên cứu lý luận, hoạt động khoa học trong hệ thống tổ chức Công đoàn còn bộc lộ một số tồn tại, cụ thể: nhận thức vai trò của công tác nghiên cứu khoa học trong tổ chức công đoàn có lúc, có nơi còn hạn chế; đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ; công tác quản lý, tổ chức chỉ đạo nghiên cứu chưa đồng bộ; năng lực, trình độ của một số cán bộ nghiên cứu chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; chất lượng một số đề tài nghiên cứu chưa cao, nhiều kết quả nghiên cứu chưa được ứng dụng trong thực tiễn gây lãng phí; một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân và tổ chức, hoạt động công đoàn chưa được làm sáng tỏ; việc nghiên cứu nhằm đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, nội dung, phương pháp hoạt động công đoàn còn chậm; chưa có chính sách nhằm khơi dậy tiềm năng, tập hợp trí tuệ của đội ngũ cán bộ và đoàn viên công đoàn trong hoạt động khoa học...

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn, tác giả cho rằng, trong thời gian tới cần có định hướng và một số giải pháp sau:

1. Về định hướng: Muốn xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn lớn mạnh về số lượng và chất lượng; từng bước nâng cao trình độ học vấn chuyên môn kỹ thuật, tay nghề, có năng lực ứng dụng sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, lao động đạt năng suất chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, làm nòng cốt xây dựng khối liên minh công - nông - trí, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì hoạt động khoa học cần tập trung vào nghiên cứu, đề xuất, tham gia xây dựng các chính sách kinh tế, chính sách xã hội có liên quan tới người lao động, nhất là chính sách về việc làm, về tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách về nhà ở, chính sách đối với người lao động khi thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; cơ chế đảm bảo quyền dân chủ của người lao động ở cơ sở; nghiên

cứu và triển khai áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Mặt khác cần có những nghiên cứu để đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của công đoàn các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Dự báo xu hướng biến động, đề xuất các giải pháp xây dựng, phát huy vai trò giai cấp công nhân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2. Một số giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn

Thứ nhất, đổi mới cơ chế tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học.

Áp dụng rộng rãi hình thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học theo cơ chế cạnh tranh - công khai - dân chủ. Việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng. Hoàn thiện quy chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học. Đối với các đề tài cấp tỉnh đặt hàng, tiếp tục đưa ra mục đích, yêu cầu cụ thể đối với các đơn vị, cơ quan nghiên cứu. Đối với đề tài cấp tỉnh do các đơn vị, cơ quan nghiên cứu đề xuất, khi Hội đồng nghiên cứu khoa học cấp Tổng Liên đoàn thông qua tên đề tài để triển khai nhiệm vụ nghiên cứu trong năm tiếp theo, sau đó một mặt công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng và một mặt gửi văn bản cho các cơ quan, đơn vị có khả năng nghiên cứu gửi thuyết minh đề tài để đấu thầu.

Mặt khác, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục sử dụng cơ chế đặt hàng được coi như một giải pháp gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và thực tiễn, nâng cao hiệu quả ứng dụng các kết quả đề tài/dự án nghiên cứu. Trong thời gian qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thường xuất phát từ ý muốn chủ quan của những nhà khoa học mà ít đi từ nhu cầu thực tế của đời sống. Với những kết quả nghiên cứu ít giá trị từ những công trình như vậy, nguồn tài chính dù có dồi dào đến đâu, sử dụng có hợp lý đến mấy, cũng không thể coi là đã phục vụ hiệu quả cho công tác nghiên cứu. Vì vậy, cần có sự tăng cường bắt tay chặt chẽ giữa các nhà khoa học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp sản xuất, để từ đó các nhà khoa học tự xác định được các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao trong đời sống hằng ngày.

Thứ hai, Tiếp tục đổi mới cơ chế đánh giá trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học; tăng cường mối liên kết giữa nghiên cứu - đào tạo - ứng dụng trong sản xuất kinh doanh. Ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, theo đó các đề tài, dự án nghiên cứu phải có địa chỉ ứng dụng, cơ quan đặt hàng, cơ quan ứng dụng có trách nhiệm hỗ trợ chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì hoàn thành tốt nội dung nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu phải định hướng tới việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Tiếp tục đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động khoa học dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu: đối với nghiên cứu cơ bản phải đánh giá bằng chất lượng khoa học phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đối với nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội của việc ứng dụng trong thực tiễn làm tiêu chuẩn chủ yếu. Đồng thời, hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, bảo đảm tính độc lập và khách quan của hội đồng. Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia đánh giá, tiêu chuẩn thành viên và cơ cấu hội đồng phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.

Thứ ba, thí điểm cơ chế “khoán” đề tài khoa học.

Cơ chế “khoán” tạo ra bước đi căn bản trong việc cải thiện hoạt động tài chính cho các tổ chức nghiên cứu khoa học. Vì sản phẩm đầu ra cuối cùng là quan trọng nhất, là thước đo cho hiệu quả của công trình khoa học, nên có thể lược bỏ bớt những khâu trung gian nhằm tiết kiệm thời gian và công sức sẽ đơn giản hóa các thủ tục hành chính như hóa đơn, xin xác nhận... ở khâu thanh quyết toán - khiến nhiều nhà khoa học không thể tập trung toàn bộ cho công tác chuyên môn. Cơ chế khoán nêu trên cũng là công cụ giúp các nhà nghiên cứu lập dự phòng tài chính cho đề tài của mình để đối phó với trượt giá. Mặt khác, nó cũng góp phần đưa dự chi thủ lao phù hợp cho cán bộ nghiên cứu vào ngân sách, phần nào

giảm nhẹ gánh nặng về áp lực thu nhập. Tuy nhiên, để đảm bảo cơ chế khoán hoạt động hiệu quả không hề dễ dàng. Nó đòi hỏi khâu quản lý kết quả sản phẩm đầu ra vô cùng nghiêm ngặt. Tuy nhiên, trước mắt cần thí điểm, nếu mô hình thành công thì sẽ nhân rộng.

Thứ tư, nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm khoa học.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hàng năm cần bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ sau nghiệm thu và kinh phí này được sử dụng để hỗ trợ cho các chủ nhiệm đề tài công bố kết quả nghiên cứu như: in sách, đăng báo trên các tạp chí nước ngoài... hoặc kinh phí cần thiết để hoàn thiện kết quả đã đạt được. Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá. Xây dựng cơ chế đánh giá sau nghiệm thu và cơ chế hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện và thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu. Hình thành các tổ chức tư vấn, giám định về chất lượng và giá cả của công nghệ trước khi chuyển giao hoặc bán cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, chế biến,... Những công trình có giá trị lý luận và thực tiễn cao, cấp bách, có khả năng ứng dụng cao, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để nhân rộng kết quả nghiên cứu góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển và tận dụng được tối đa hiệu quả nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên cần có cơ chế kiểm tra, giám sát các hoạt động này để tránh lãng phí.

Thứ năm, xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ khoa học. Ban hành chính sách trọng dụng cán bộ khoa học tài năng; sử dụng cán bộ khoa học giỏi. Cán bộ khoa học có trình độ, năng lực chuyên môn ngang bằng chuyên gia nước ngoài, cùng vị trí công tác trong các dự án hợp tác, được hưởng mức thu nhập tương đương với mức thu nhập bình quân do các tổ chức quốc tế, nước ngoài trả cho người Việt Nam. Ban hành tiêu chuẩn và quy chế bổ nhiệm chức vụ khoa học đối với cán bộ khoa học; đồng thời điều chỉnh chế độ lương phù hợp với chức vụ khoa học. Ban hành tiêu chuẩn và chế độ đánh giá định kỳ đối với cán bộ khoa học. Thực hiện nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ khoa học hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học. Trong kế hoạch tài chính hàng năm, dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ khoa học trình độ cao, phục vụ cho các nhiệm

vụ NCKH cụ thể, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và thu hút đầu tư nước ngoài; định kỳ đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ khoa học để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ khoa học tại các cơ sở đào tạo nước ngoài có trình độ khoa học tiên tiến; có cơ chế, chính sách sử dụng có hiệu quả cán bộ khoa học sau khi đào tạo.

Thứ sáu, xây dựng cơ chế liên kết.

Để kết quả nghiên cứu khoa học có chất lượng cao, chúng ta không thể không tiến hành liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu trong nước và quốc tế trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học của tỉnh và ký kết hợp đồng khoa học, chuyển giao kết quả nghiên cứu với các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học thực hiện nhiệm vụ ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khoa học để sớm hình thành các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, kinh doanh.

Trước tình hình trên, việc tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu khoa học để thúc đẩy kinh tế - xã hội nói chung và hoạt động công đoàn nói riêng là một việc làm mang tính cấp bách. Song, chúng ta cần nhận thức rằng: Đổi mới quản lý khoa học là một yêu cầu cấp thiết để khoa học ngày càng phát triển. Nhưng đổi mới là cả một quá trình liên tục đòi hỏi có sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý và của toàn xã hội. Đó là đổi mới về cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động khoa học theo hướng xã hội hóa, tiếp tục phát triển mối quan hệ liên kết, từng bước tạo lập, phát triển thị trường khoa học; khuyến khích hình thành mạng lưới tổ chức tư vấn, chuyển giao khoa học ở doanh nghiệp, các cấp công đoàn. Ngoài xem xét, tư vấn danh mục đề tài, hội đồng khoa học cần tư vấn chính sách, hoạt động khoa học các ngành, lĩnh vực. Chúng ta phải thực hiện đồng bộ, từng bước có trọng điểm điều hoà quan hệ số lượng và chất lượng công tác đổi mới khoa học. Tùy vào từng điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, để chúng ta lựa chọn giải pháp trước mắt - lâu dài, giải pháp trực tiếp - gián tiếp; giải pháp khách quan - chủ quan; giải pháp vĩ mô - vi mô nhằm đưa hoạt động khoa học vươn tới tầm cao mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị phát

triển giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn theo đúng tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/01/2008, Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khoá X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” đã đề ra. □

Tài Liệu tham khảo

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/01/2008, Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương Đảng khoá X về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Nghị quyết số: 02/2004/NQ-TLĐĐVN Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Khóa IX) về đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn.
- Hướng dẫn số: 131/TLĐ về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động khoa học trong tổ chức Công đoàn.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NỮ...

(Tiếp theo trang 59)

- (13) Đề tài Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ trong giai đoạn 2011-2020, Học viện phụ nữ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê (2012), Báo cáo điều tra lao động - việc làm quý IV năm 2012, Nxb. Thống kê.
2. Phạm Minh Hạc (1998) Vấn đề con người trong sự nghiệp CNH, HĐH, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Tổng cục Thống kê, Báo cáo điều tra lao động - việc làm quý IV, 2012.
4. Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ trong giai đoạn 2011-2020, Học viện Phụ nữ Việt Nam.
5. Báo cáo Tổng hợp đề tài Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực nữ trong giai đoạn 2011-2020, Học viện phụ nữ Việt Nam, trang 132, 147.
6. Tạp chí Thông tin khoa học xã hội - số 8/2003 - Nguyễn Thị Thu Hoài.
7. Nguyễn Thanh Tâm (2009) - Đề tài cấp Bộ của Viện Gia đình và Giới: Sự thích ứng của người di cư từ nông thôn vào các thành phố vùng phụ cận.